



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HOA SEN

Đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, VN.

www.nhuahoasen.vn

cskh.nhuahoasen@hoasengroup.vn



BẢNG GIÁ CÔNG BỐ ỐNG NHỰA PPR HOA SEN

Khu vực áp dụng: Từ Hà Tĩnh trở ra Bắc

(Hiệu lực từ ngày 04/07/2026 đến khi có thông báo mới)

Stt	Đường kính	Độ dày (mm)	Áp suất danh nghĩa (PN)	Giá bán (đồng/mét)	
				Chưa VAT	Có VAT
1	Φ20	1.9	10.0	13,700	14,796
2		2.3	12.5	16,200	17,496
3		2.8	16.0	18,100	19,548
4		3.4	20.0	20,100	21,708
5		4.1	25.0	22,200	23,976
6	Φ25	2.3	10.0	20,800	22,464
7		2.8	12.5	29,000	31,320
8		3.5	16.0	33,300	35,964
9		4.2	20.0	35,200	38,016
10		5.1	25.0	36,900	39,852
11	Φ32	2.9	10.0	37,600	40,608
12		3.6	12.5	38,800	41,904
13		4.4	16.0	45,200	48,816
14		5.4	20.0	51,800	55,944
15		6.5	25.0	57,000	61,560
16	Φ40	3.7	10.0	50,400	54,432
17		4.5	12.5	58,600	63,288
18		5.5	16.0	61,200	66,096
19		6.7	20.0	80,300	86,724
20		8.1	25.0	87,100	94,068
21	Φ50	4.6	10.0	73,900	79,812
22		5.6	12.5	93,600	101,088
23		6.9	16.0	97,300	105,084
24		8.3	20.0	124,700	134,676
25		10.1	25.0	139,000	150,120
26	Φ63	5.8	10.0	117,400	126,792
27		7.1	12.5	146,800	158,544
28		8.6	16.0	152,900	165,132
29		10.5	20.0	196,600	212,328
30		12.7	25.0	218,800	236,304
31	Φ75	6.8	10.0	163,300	176,364
32		8.4	12.5	168,200	181,656
33		10.3	16.0	208,400	225,072
34		12.5	20.0	272,300	294,084
35		15.1	25.0	309,100	333,828

Stt	Đường kính	Độ dày (mm)	Áp suất danh nghĩa (PN)	Giá bán (đồng/mét)	
				Chưa VAT	Có VAT
36	Φ90	8.2	10.0	238,300	257,364
37		10.1	12.5	241,300	260,604
38		12.3	16.0	291,800	315,144
39		15.0	20.0	407,100	439,668
40		18.1	25.0	444,600	480,168
41	Φ110	10.0	10.0	381,400	411,912
42		12.3	12.5	412,200	445,176
43		15.1	16.0	444,600	480,168
44		18.3	20.0	573,100	618,948
45		22.1	25.0	660,000	712,800
46	Φ125	11.4	10.0	472,400	510,192
47		14.0	12.5	522,600	564,408
48		17.1	16.0	576,600	622,728
49		20.8	20.0	771,200	832,896
50		25.1	25.0	885,700	956,556
51	Φ140	12.7	10.0	582,900	629,532
52		15.7	12.5	643,400	694,872
53		19.2	16.0	701,600	757,728
54		23.3	20.0	979,500	1,057,860
55		28.1	25.0	1,167,100	1,260,468
56	Φ160	14.6	10.0	795,400	859,032
57		17.9	12.5	880,800	951,264
58		21.9	16.0	972,600	1,050,408
59		26.6	20.0	1,302,600	1,406,808
60		32.1	25.0	1,511,600	1,632,528
61	Φ180	16.4	10.0	1,253,300	1,353,564
62		20.1	12.5	1,486,200	1,605,096
63		24.6	16.0	1,742,300	1,881,684
64		29.0	20.0	2,048,000	2,211,840
65		36.1	25.0	2,353,600	2,541,888
66	Φ200	18.2	10.0	1,520,600	1,642,248
67		22.4	12.5	1,820,200	1,965,816
68		27.4	16.0	2,154,900	2,327,292
69		33.2	20.0	2,521,800	2,723,544

TRỤ SỞ CHÍNH

Đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

ĐT: (0254) 3 923 231 | FAX: (0254) 3 923 230

VĂN PHÒNG BÌNH DƯƠNG

Số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

ĐT: (0650) 3790 955 | FAX: (0650) 3790 888

VĂN PHÒNG TP. HCM

183 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

ĐT: 028 3999 0111 | FAX: (08) 3999 0222





CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HOA SEN

Đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, VN.

www.nhuahoasen.vn

cskh.nhuahoasen@hoasengroup.vn



Ghi chú:

- Thuế VAT 8%.

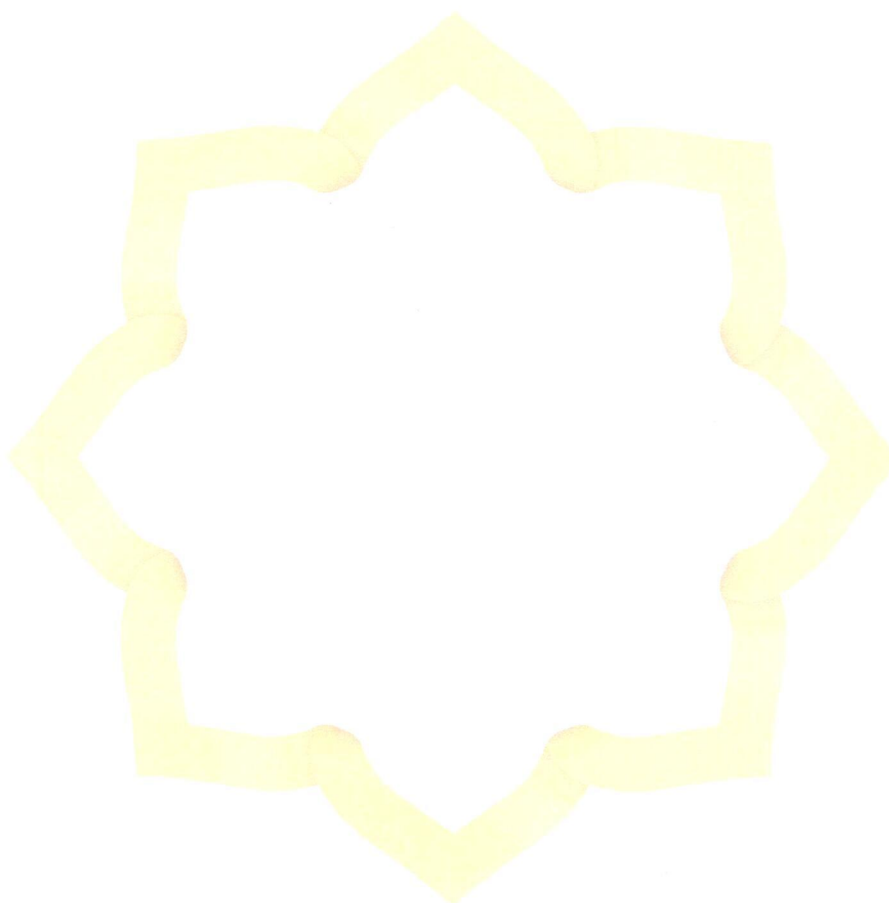
- Ống nhựa PPR Hoa Sen sản xuất theo tiêu chuẩn DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09

TP. HCM, ngày 03 tháng 07 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRƯƠNG TẤN ĐẠT



TRỤ SỞ CHÍNH

Đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ,
Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: (0254) 3 923 231 | FAX: (0254) 3 923 230

VĂN PHÒNG BÌNH DƯƠNG

Số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, Phường Dĩ An,
Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: (0650) 3790 955 | FAX: (0650) 3790 888

VĂN PHÒNG TP. HCM

183 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận,
Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: 028 3999 0111 | FAX: (08) 3999 0222





CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HOA SEN

Đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, VN.

www.nhuahoasen.vn

cskh.nhuahoasen@hoasengroup.vn



BẢNG GIÁ CÔNG BỐ ỐNG NHỰA PPR CHỐNG TIA CỰC TÍM (UV)

Khu vực áp dụng: Từ Hà Tĩnh trở ra Bắc

(Hiệu lực từ ngày 04/07/2026 đến khi có thông báo mới)

Stt	Đường kính	Độ dày (mm)	Áp suất danh nghĩa (PN)	Giá bán (đồng/mét)	
				Chưa VAT	Có VAT
1	Φ20	1.9	10.0	15,800	17,064
2		2.3	12.5	19,500	21,060
3		2.8	16.0	21,600	23,328
4		3.4	20.0	24,200	26,136
5	Φ25	2.3	10.0	25,300	27,324
6		2.8	12.5	34,700	37,476
7		3.5	16.0	40,000	43,200
8		4.2	20.0	42,300	45,684
9	Φ32	2.9	10.0	45,000	48,600
10		4.4	16.0	54,200	58,536

Stt	Đường kính	Độ dày (mm)	Áp suất danh nghĩa (PN)	Giá bán (đồng/mét)	
				Chưa VAT	Có VAT
11	Φ32	5.4	20.0	62,200	67,176
12	Φ40	3.7	10.0	60,400	65,232
13		5.5	16.0	73,400	79,272
14		6.7	20.0	96,300	104,004
15	Φ50	4.6	10.0	88,700	95,796
16		6.9	16.0	116,700	126,036
17		8.3	20.0	149,600	161,568
18	Φ63	5.8	10.0	140,900	152,172
19		8.6	16.0	183,400	198,072
20		10.5	20.0	235,900	254,772

Ghi chú: - Thuế VAT 8%.

- Ống nhựa PPR Hoa Sen sản xuất theo tiêu chuẩn DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09



TRƯƠNG TẤN ĐẠT



TRỤ SỞ CHÍNH

Đường 2B, KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ,
Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: (0254) 3 923 231 | FAX: (0254) 3 923 230

VĂN PHÒNG BÌNH DƯƠNG

Số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, Phường Dĩ An,
Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: (0650) 3790 955 | FAX: (0650) 3790 888

VĂN PHÒNG TP. HCM

183 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận,
Tp. Hồ Chí Minh, VN.
ĐT: 028 3999 0111 | FAX: (08) 3999 0222

BẢNG GIÁ CÔNG BỐ PHỤ KIỆN PPR HOA SEN

Khu vực áp dụng: Từ Hà Tĩnh trở ra Bắc
(Hiệu lực từ ngày 04/07/2026 đến khi có thông báo mới)

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
			Chưa VAT	Có VAT
NỐI (ĐẦU NỐI THẲNG)				
	20	Cái	2,100	2,268
	25	Cái	3,600	3,888
	32	Cái	5,600	6,048
	40	Cái	8,900	9,612
	50	Cái	16,000	17,280
	63	Cái	32,000	34,560
	90	Cái	90,700	97,956
NỐI GIẢM (ĐẦU NỐI CHUYỂN BẠC)				
	25 x 20	Cái	3,300	3,564
	32 x 20	Cái	4,700	5,076
	32 x 25	Cái	4,700	5,076
	40 x 20	Cái	7,300	7,884
	40 x 25	Cái	7,300	7,884
	40 x 32	Cái	7,300	7,884
	50 x 25	Cái	13,200	14,256
	50 x 32	Cái	13,200	14,256
	50 x 40	Cái	13,200	14,256
	63 x 25	Cái	25,500	27,540
	63 x 32	Cái	25,500	27,540
	63 x 40	Cái	25,500	27,540
	63 x 50	Cái	25,500	27,540
CO 45° (NỐI GÓC 45°)				
	20	Cái	3,300	3,564
	25	Cái	5,400	5,832
	32	Cái	8,100	8,748
	40	Cái	16,000	17,280
	50	Cái	30,600	33,048
	63	Cái	70,200	75,816
	90	Cái	128,500	138,780
CO GIẢM				
	25 x 20	Cái	7,600	8,208
	32 x 20	Cái	13,400	14,472
	32 x 25	Cái	14,300	15,444
TÊ (BA CHẠC 90°)				
	20	Cái	4,700	5,076
	25	Cái	7,300	7,884
	32	Cái	12,100	13,068
	40	Cái	18,700	20,196
	50	Cái	36,900	39,852
	63	Cái	92,400	99,792
	75	Cái	138,800	149,904
	90	Cái	215,400	232,632

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
			Chưa VAT	Có VAT
NỐI REN TRONG (ĐẦU NỐI REN TRONG)				
	20x1/2"	Cái	36,400	39,312
	20x3/4"	Cái	41,000	44,280
	25x1/2"	Cái	44,400	47,952
	25x3/4"	Cái	49,600	53,568
	32x1"	Cái	80,900	87,372
NỐI REN NGOÀI (ĐẦU NỐI REN NGOÀI)				
	20x1/2"	Cái	46,000	49,680
	20x3/4"	Cái	53,800	58,104
	25x1/2"	Cái	53,100	57,348
	25x3/4"	Cái	64,100	69,228
	32x1"	Cái	94,700	102,276
	40x1.1/4"	Cái	275,400	297,432
	50x1.1/2"	Cái	344,300	371,844
CO 90° (NỐI GÓC 90°)				
	20	Cái	4,100	4,428
	25	Cái	5,400	5,832
	32	Cái	9,400	10,152
	40	Cái	15,300	16,524
	50	Cái	26,900	29,052
	63	Cái	82,100	88,668
	75	Cái	107,200	115,776
	90	Cái	165,300	178,524
CO REN TRONG (NỐI GÓC 90° REN TRONG)				
	20x1/2"	Cái	40,400	43,632
	20x3/4"	Cái	50,300	54,324
	25x1/2"	Cái	46,000	49,680
	25x3/4"	Cái	61,800	66,744
CO REN NGOÀI (NỐI GÓC 90° REN NGOÀI)				
	20x1/2"	Cái	56,900	61,452
	20x3/4"	Cái	63,700	68,796
	25x1/2"	Cái	64,300	69,444
	25x3/4"	Cái	76,000	82,080
TÊ REN TRONG (BA CHẠC 90° REN TRONG)				
	20x1/2"	Cái	40,800	44,064
	20x3/4"	Cái	52,000	56,160
	25x1/2"	Cái	43,600	47,088
	25x3/4"	Cái	63,600	68,688
TÊ REN NGOÀI (BA CHẠC 90° REN NGOÀI)				
	20x1/2"	Cái	50,200	54,216
	20x3/4"	Cái	55,400	59,832
	25x1/2"	Cái	54,500	58,860
	25x3/4"	Cái	66,000	71,280



Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
			Chưa VAT	Có VAT
TÊ GIẢM (BA CHẠC 90° CHUYỂN BẬC)				
	25 x 20	Cái	7,300	7,884
	32 x 20	Cái	12,900	13,932
	32 x 25	Cái	12,900	13,932
	40 x 20	Cái	28,300	30,564
	40 x 25	Cái	28,300	30,564
	40 x 32	Cái	28,300	30,564
	50 x 20	Cái	49,700	53,676
	50 x 25	Cái	49,700	53,676
	50 x 32	Cái	49,700	53,676
	63 x 25	Cái	87,300	94,284
	63 x 32	Cái	87,300	94,284
	63 x 40	Cái	87,300	94,284
	63 x 50	Cái	87,300	94,284
RẮC CỎ NHỰA				
	25	Cái	38,900	42,012
	50	Cái	96,600	104,328
VAN				
	20	Cái	191,200	206,496
	25	Cái	220,000	237,600
	32	Cái	315,600	340,848
	40	Cái	531,200	573,696
	50	Cái	828,400	894,672
	63	Cái	1,276,500	1,378,620

Ghi chú: Thuế VAT 8%.

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
			Chưa VAT	Có VAT
BÍT ĐẦU				
	20	Cái	2,000	2,160
	25	Cái	3,500	3,780
	32	Cái	4,500	4,860
	40	Cái	6,800	7,344
	50	Cái	12,900	13,932
	63	Cái	62,600	67,608
BÍT REN TRONG				
	20x1/2"	Cái	3,100	3,348
RẮC CỎ REN NGOÀI				
	20x1/2"	Cái	129,300	139,644
	25x3/4"	Cái	201,500	217,620
	32x1"	Cái	316,700	342,036
RẮC CỎ REN TRONG				
	20x1/2"	Cái	121,200	130,896
	25x3/4"	Cái	194,100	209,628
	32x1"	Cái	284,500	307,260
KHÚC TRÁNH				
	25	Cái	19,500	21,060



TRƯƠNG TẤN ĐẠT

BẢNG GIÁ CÔNG BỐ PHỤ KIỆN PPR CHỐNG TIA CỰC TÍM (UV)

Khu vực áp dụng: Từ Hà Tĩnh trở ra Bắc
(Hiệu lực từ ngày 04/07/2026 đến khi có thông báo mới)

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
			Chưa VAT	Có VAT
NỐI PPR CHỐNG TIA UV				
	20	Cái	2,600	2,808
	25	Cái	4,300	4,644
	32	Cái	6,800	7,344
	40	Cái	10,700	11,556
	50	Cái	19,200	20,736
	63	Cái	38,400	41,472
NỐI GIẢM PPR CHỐNG TIA UV				
	25 x 20	Cái	4,100	4,428
	32 x 20	Cái	5,700	6,156
	32 x 25	Cái	5,700	6,156
	40 x 32	Cái	8,800	9,504
	40 x 20	Cái	8,800	9,504
	40 x 25	Cái	8,800	9,504
	50 x 25	Cái	15,800	17,064
	50 x 32	Cái	15,800	17,064
	50 x 40	Cái	15,800	17,064
	63 x 25	Cái	30,600	33,048
	63 x 32	Cái	30,600	33,048
	63 x 40	Cái	30,600	33,048
	63 x 50	Cái	30,600	33,048
CO (90) PPR CHỐNG TIA UV				
	20	Cái	4,900	5,292
	25	Cái	6,400	6,912
	32	Cái	11,300	12,204
	40	Cái	18,400	19,872
	50	Cái	32,200	34,776
	63	Cái	98,500	106,380
TÊ PPR CHỐNG TIA UV				
	20	Cái	5,700	6,156
	25	Cái	8,800	9,504
	32	Cái	14,500	15,660
	40	Cái	22,500	24,300
	50	Cái	44,200	47,736
	63	Cái	110,900	119,772
TÊ GIẢM PPR CHỐNG TIA UV				
	25 x 20	Cái	8,800	9,504
	32 x 20	Cái	15,400	16,632

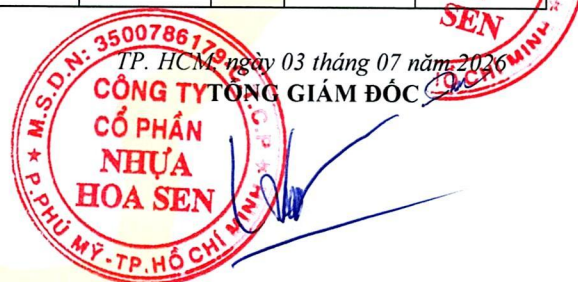
Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
			Chưa VAT	Có VAT
NỐI REN TRONG PPR CHỐNG TIA UV				
	20x1/2"	Cái	43,600	47,088
	25x1/2"	Cái	53,300	57,564
	25x3/4"	Cái	59,600	64,368
	32x1"	Cái	96,900	104,652
NỐI REN NGOÀI PPR CHỐNG TIA UV				
	20x1/2"	Cái	55,100	59,508
	25x1/2"	Cái	63,700	68,796
	25x3/4"	Cái	76,900	83,052
	32x1"	Cái	113,700	122,796
	40x1.1/4"	Cái	330,500	356,940
CO (45) PPR CHỐNG TIA UV				
	20	Cái	4,100	4,428
	25	Cái	6,400	6,912
	32	Cái	9,700	10,476
	40	Cái	19,300	20,844
	50	Cái	36,700	39,636
	63	Cái	84,200	90,936
CO GIẢM (90) PPR CHỐNG TIA UV				
	25 x 20	Cái	6,500	7,020
	32 x 20	Cái	11,400	12,312
	32 x 25	Cái	12,100	13,068
CO REN TRONG PPR CHỐNG TIA UV				
	20x1/2"	Cái	48,600	52,488
	25x1/2"	Cái	55,100	59,508
	25x3/4"	Cái	74,200	80,136
CO REN NGOÀI PPR CHỐNG TIA UV				
	20x1/2"	Cái	68,300	73,764
	25x1/2"	Cái	77,300	83,484
	25x3/4"	Cái	91,300	98,604
TÊN REN TRONG PPR CHỐNG TIA UV				
	20x1/2"	Cái	48,900	52,812
	25x1/2"	Cái	52,400	56,592
	25x3/4"	Cái	76,300	82,404
TÊN REN NGOÀI PPR CHỐNG TIA UV				
	20x1/2"	Cái	60,300	65,124
	25x1/2"	Cái	65,300	70,524
	25x3/4"	Cái	79,100	85,428

3500
CÔNG
CỔ P
NH
HOA
PHÚ MỸ-TP.

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
			Chưa VAT	Có VAT
TÊ GIẢM PPR CHỐNG TIA UV				
	32 x 25	Cái	15,400	16,632
	40 x 20	Cái	33,900	36,612
	40 x 25	Cái	33,900	36,612
	40 x 32	Cái	33,900	36,612
	50 x 20	Cái	59,600	64,368
	50 x 25	Cái	59,600	64,368
	50 x 32	Cái	59,600	64,368
	63 x 25	Cái	104,800	113,184
	63 x 32	Cái	104,800	113,184
63 x 40	Cái	104,800	113,184	
VAN PPR CHỐNG TIA UV				
	20	Cái	229,500	247,860
	25	Cái	263,900	285,012
	32	Cái	378,600	408,888
	40	Cái	637,400	688,392
	50	Cái	994,000	1,073,520
RẮC CO NHỰA				
	25	Cái	46,700	50,436

Ghi chú: Thuế VAT 8%.

Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Đơn giá (Đồng/ĐVT)	
			Chưa VAT	Có VAT
RẮC CO REN TRONG PPR CHỐNG TIA UV				
	20x1/2"	Cái	145,400	157,032
	25x3/4"	Cái	232,900	251,532
	32x1"	Cái	341,400	368,712
RẮC CO REN NGOÀI PPR CHỐNG TIA UV				
	20x1/2"	Cái	155,000	167,400
	25x3/4"	Cái	241,900	261,252
	32x1"	Cái	380,000	410,400
BÍT ĐẦU PPR CHỐNG TIA UV				
	20	Cái	2,500	2,700
	25	Cái	4,200	4,536
	32	Cái	5,400	5,832
	40	Cái	8,200	8,856
	50	Cái	15,400	16,632
	63	Cái	75,100	81,108
KHÚC TRÁNH				
	25	Cái	23,400	25,272



TRƯƠNG TẤN ĐẠT